

Bản án số: 48/2023/HNGĐ -ST

Ngày 10/8/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Ngoan
2. Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐSXST- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1989

Nơi ĐKHTT: thôn H, xã T, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

Hiện đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

(chị H và anh Tuấn A đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh Trần Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là T), huyện Kiến Xương vào ngày 19/5/2016. Quá trình chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh Tuấn A ham chơi dẫn đến nghiện ma túy, ngày 15/4/2021 anh bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 01 năm. Sau khi chấp hành xong chị hi vọng anh sẽ thay đổi nhưng sau đó anh lại tiếp tục sử dụng ma túy nên ngày 17/3/2023 anh bị Tòa án nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Xác định không còn tình cảm, chung sống không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: chị và anh Tuấn A có hai con chung là Trần Hà Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 23/5/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh Tuấn A góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1500.000 đồng/ con/ tháng. Chị làm công nhân tại công ty TNHH da giày T, địa chỉ xã V, TP T, tỉnh Thái Bình. Thu nhập khoảng 6.000.000 đồng - 7.000.000 đồng/ tháng. Con Trần Hà Tr có nguyện vọng được ở với chị H.

Về tài sản và nợ chung: không có. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn anh Trần Tuấn A trình bày về thời điểm kết hôn, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị H khai. Anh nhất trí ly hôn và để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1500.000 đồng/ con/ tháng. Về tài sản và nợ chung không có. Anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã T, huyện Kiến Xương như các đương sự trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70,71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn A. Giao hai con chung Trần Hà Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 23/5/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Tuấn A góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.500.000 đồng/con/ tháng . Về tài sản và nợ chung các đương sự đều khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trần Tuấn A có nơi cư trú tại xã T, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Tuấn A đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là xã T), huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh Tuấn A thiếu trách nhiệm với gia đình, mắc nghiện ma túy nên phát sinh mâu thuẫn. Chị H xin ly hôn, anh Tuấn A nhất trí, điều này chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, quan điểm của Kiểm sát viên, xử cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

[5] Về quan hệ con chung: con Trần Hà Tr và Trần Bảo Ch là nữ, con Bảo Châu chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay anh Tuấn A chưa có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy chấp nhận yêu cầu của chị H, ý kiến của anh Tuấn A giao hai con

chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là đúng với quy định tại các điều 80,81,82 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về mức cấp dưỡng: anh Tuấn A nhất trí với mức cấp dưỡng chị H yêu cầu, do vậy buộc anh Tuấn A góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị H 1.500.000 đồng/con/tháng, kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

[7] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều khai không có.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Trần Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 110,116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Tuấn A.

2. Về quan hệ con chung: giao hai con chung Trần Hà Tr, sinh ngày 03/8/2016 và Trần Bảo Ch, sinh ngày 23/5/2021 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Tuấn A có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/con/tháng, kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung. Chị H và anh Tuấn A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản và nợ chung: không có.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001911 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Tuấn A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ